

RƯỜNG ĐHSPKT TP.HCM  
JẾN Số: 386  
Ngày: 10/5/2016  
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 484/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

Chyến file

Handwritten notes: H. Quang, P.ĐT, Khoa 2, D.H.

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh  
bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam  
(dành cho người lớn)

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020";

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Xét Biên bản thẩm định Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 6344/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn), gồm: cấu trúc đề thi, cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học Quốc gia, đại học vùng; Giám đốc học viện; Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thủ trưởng cơ sở đào tạo ngoại ngữ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thủ trưởng cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục KTKĐCLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiển

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH**  
**bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**  
**(dành cho người lớn)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *1481/QĐ-BGDĐT*  
ngày *10* tháng *5* năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**I. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Nghe</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 2: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích.	Khoảng 25 phút, bao gồm thời gian 5 phút chuyển kết quả sang phiếu trả lời.	5 phần, 25 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi điền từ vào chỗ trống đã in sẵn trong đề thi
<b>Đọc</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp với tổng số từ dao động từ 700-750 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.
<b>Viết</b>	Kiểm tra kỹ năng viết câu và mệnh đề đơn giản, viết và trả lời thư, viết ghi nhớ, tin nhắn, lời nhắn, bưu thiếp.	35 phút	3 bài viết	Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn. Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn/một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn. Phần 3: Thí sinh viết một bức thư /một bưu thiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn.

Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, khởi đầu, duy trì và kết thúc hội thoại, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh.	10 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	Phần 1: <i>Chào hỏi</i> Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi. Phần 3: <i>Miêu tả</i> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể. Phần 4: <i>Thảo luận</i> Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gợi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gợi ý đó.
-----	---	-----------------------------------	--------	---

## II. CÁCH TÍNH ĐIỂM THI VÀ MÔ TẢ NĂNG LỰC ỨNG VỚI ĐIỂM THI

### 1. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá hoặc quy đổi về thang điểm từ 0 đến 25.
- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức Đạt hay Không đạt.
- Yêu cầu đối với mức Đạt: Có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, tổng điểm của cả 4 kỹ năng đạt từ 6,5 điểm trở lên.

### 2. Mô tả năng lực ứng với điểm thi

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
Đạt bậc 2	> 7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu các chi tiết cơ bản như các số lớn, danh từ ghép liên quan tới các chủ đề quen thuộc như trường học hoặc mua sắm; có thể đoán nghĩa các từ vựng đơn giản trong ngữ cảnh; nhận ra thông tin được diễn giải rõ ràng theo cách khác, xác định được các kết luận chính hay lập luận trong văn bản được trình bày rõ ràng và có chủ đề quen thuộc. Thí sinh có khả năng thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản, có khả năng miêu tả và trao đổi ý kiến một cách ngắn gọn về các vấn đề cụ thể, quen thuộc trong các tình huống giao tiếp xã hội hàng ngày; có thể đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, khởi đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại ngắn và đơn giản; có thể viết thư từ giao dịch hay thư từ cá nhân cung cấp thông tin hay diễn đạt những thông điệp tương đối chi tiết về các chủ đề quen thuộc. Thí sinh kiểm soát được từ ngữ cơ bản, cấu trúc đơn giản, thỉnh thoảng mắc lỗi nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

	6,5-7,5	<p>Thí sinh có thể định vị và hiểu được chi tiết cơ bản, dễ đoán trong các diễn đạt và các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc (ví dụ như các thông tin về cá nhân, gia đình, mua sắm, công việc); có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp thông thường như chào hỏi, giới thiệu bản thân, đề nghị, mời mọc, cảm ơn cũng như mô tả và trao đổi được về những chủ điểm quen thuộc trong các tình huống đơn giản trong đời sống hàng ngày. Thí sinh cũng có thể viết một cách ngắn gọn và đơn giản về các chủ điểm gần gũi hàng ngày và sử dụng các cụm từ, các câu đơn và các công cụ liên kết câu cơ bản.</p>
<p><b>Không đạt bậc 2</b></p>	< 6,5	<p>Thí sinh có khả năng hiểu nhưng thường chưa đầy đủ các chi tiết về thời gian, số, tên riêng... trong các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc như thời gian biểu, các mẫu quảng cáo, các trao đổi hay thư từ cá nhân. Thí sinh có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản như giới thiệu bản thân, cảm ơn, xin lỗi nhưng ngôn ngữ sử dụng rất hạn chế. Chiến lược giao tiếp mà thí sinh sử dụng (nếu có) chỉ ở mức đơn giản như đề nghị giám khảo nhắc lại yêu cầu hoặc câu hỏi khi không hiểu hoặc chưa hiểu rõ và diễn đạt điều mình muốn nói bằng ngôn ngữ cử chỉ hoặc biểu cảm khi không thể diễn đạt bằng ngôn từ. Thí sinh cũng có thể viết những cụm từ, câu tách biệt, ngắn về bản thân, nơi sống và công việc và có thể viết được bưu thiếp ở mức rất ngắn gọn, đơn giản; sử dụng được một số từ vựng cơ bản gồm các từ, cụm từ biệt lập thuộc các tình huống cụ thể cũng như sử dụng được một cách rất hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, phương tiện liên kết,... Tuy nhiên, vẫn mắc nhiều lỗi sử dụng từ và cấu trúc cơ bản một cách hệ thống.</p>



**NGUYỄN VINH HIỂN**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 729/QĐ-BGDĐT

*Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020";

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Xét Biên bản thẩm định Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 của Hội đồng nghiệm thu (được thành lập theo Quyết định số 5696/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, gồm: cấu trúc đề thi và quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực dành cho người Việt Nam học và sử dụng tiếng Anh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học Quốc gia, đại học vùng; Giám đốc các học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thủ trưởng các cơ sở đào tạo ngoại ngữ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thủ trưởng các cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục KTKĐCLGD.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Nguyễn Vinh Hiển**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH**  
**từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-BGDĐT  
ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

<b>Kỹ năng thi</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>
<b>Nghe</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.
<b>Đọc</b>	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.
<b>Viết</b>	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.



Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút	3 phần	<p>Phần 1: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau.</p> <p>Phần 2: <i>Thảo luận giải pháp</i> Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phân biện các giải pháp còn lại.</p> <p>Phần 3: <i>Phát triển chủ đề</i> Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.</p>
-----	---	---------	--------	---

## II. QUY ĐỊNH VỀ QUY ĐỔI ĐIỂM THI SANG CÁC BẬC NĂNG LỰC

### 1. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

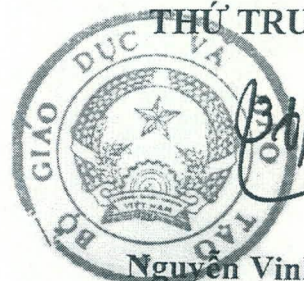
- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

### 2. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực

Điểm trung bình	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
Dưới 4,0	Không xét	Không xét khi sử dụng định dạng đề thi này.
4,0 – 5,5	3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

6,0 – 8,0	4	<p>Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>
8,5 – 10	5	<p>Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng tốt các kiểu tổ chức văn bản, liên từ và các phương tiện liên kết.</p>

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Vinh Hiển**